

Số: 698/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng
cho sinh viên các khoá cũ
(Tháng 10/2023)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-LTT-TC ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-LTT-ĐT ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo 713;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp cao đẳng ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm học 2022 - 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 238 sinh viên các khóa, cụ thể như sau:

1. Khóa 16CDCN: 01 sinh viên
2. Khóa 17C1: 05 sinh viên
3. Khóa 19C1: 11 sinh viên
4. Khóa 20C1: 112 sinh viên
5. Khóa 20C3: 08 sinh viên
6. Khóa 20C6: 04 sinh viên
7. Khóa 18C2: 01 sinh viên
8. Khóa 20C2: 67 sinh viên
9. Khóa 21C2: 02 sinh viên
10. Khóa 22C2: 27 sinh viên

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đủ chứng chỉ Tin học và Ngoại ngữ theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHOÁ CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
XÉT THÁNG 10/2023

(Kèm theo Quyết định số 698/QĐ-LTT-ĐT ngày 31 tháng 10 năm 2023
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
1	16001760	Trần Nguyễn Duy	Trường	Nam	01/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN3	A	B	6,65		Trung bình	
2	17004055	Đặng Nguyên	Học	Nam	24/4/1998	Đồng Nai	17C1-ANM1		TOEIC 350	8,31		Khá	Học lại
3	17002322	Vũ Văn	Tùng	Nam	04/6/1998	Nam Định	17C1-CCK4	A		6,74		Trung bình	
4	17004667	Nguyễn Thành	Phát	Nam	18/4/1999	Long An	17C1-CNÔ12	A		6,12		Trung bình	
5	17001028	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	27/02/1999	Long An	17C1-CNÔ3			5,85		Trung bình	
6	17003041	Trần Vũ	An	Nam	28/6/1997	Long An	17C1-TĐH1	A		6,25		Trung bình	
7	18005709	Lê Quyết	Tiến	Nam	13/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C2-ĐĐT1	A	B	6,42		Trung bình	
8	19003219	Nguyễn Hoài	Trung	Nam	08/8/2001	An Giang	19C1-CCK4	A	TOEIC 350	6,78		Trung bình	
9	19002742	Vũ Hồng Khải	Linh	Nam	07/3/2001	Hải Dương	19C1-CĐT1	A	TOEIC 350	6,96		Trung bình	
10	19001013	Phạm Văn	Luận	Nam	30/7/2000	Kon Tum	19C1-CĐT1	A	B	5,96		Trung bình	
11	19003112	Trần Việt	Hùng	Nam	23/12/2001	Campuchia	19C1-CMT1		B	6,00		Trung bình	
12	19003313	Nguyễn Trung	Tính	Nam	05/7/2001	Đồng Tháp	19C1-CMT1		B	6,05		Trung bình	
13	19003450	Hoàng Quyết	Chí	Nam	13/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	6,51		Trung bình	
14	19003955	Lý Học	Tân	Nam	10/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	6,48		Trung bình	
15	19003858	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	28/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	7,27		Khá	
16	19002494	Trần Gia	Qui	Nam	12/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ8	A	B	6,55		Trung bình	
17	19001165	Đặng Hoàng	Long	Nam	02/5/2000	Tây Ninh	19C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	6,62		Trung bình	
18	19005138	Nguyễn Lê Nhật	Thiên	Nam	09/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TĐH1	A	TOEIC 350	6,13		Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
19	20000127	Tô Hữu	Bằng	Nam	02/02/2001	An Giang	20C1-CCK1	A	TOEIC 350	6,57		Trung bình	
20	20003003	Nguyễn Thanh	Giàu	Nam	28/7/2002	Long An	20C1-CCK1	A	TOEIC 350	6,37		Trung bình	
21	20002836	Bùi Khắc	Nhật	Nam	04/8/2002	Bến Tre	20C1-CCK1	A	TOEIC 350	6,26		Trung bình	
22	20002853	Nguyễn Bùi Bình	Tâm	Nam	22/9/2002	Long An	20C1-CCK1	A	TOEIC 350	6,43		Trung bình	
23	20004204	Trương Văn	Son	Nam	18/12/2002	Quảng Ngãi	20C1-CCK3	A	TOEIC 350	6,73		Trung bình	
24	20004666	Trần Minh	Thuận	Nam	08/5/2001	Long An	20C1-CCK3	A	TOEIC 350	6,50		Trung bình	
25	20004440	Đoàn Nhật	Duy	Nam	04/10/2002	Bến Tre	20C1-CCK4	A	TOEIC 350	6,01		Trung bình	
26	20004447	Nguyễn Tuấn	Khoa	Nam	24/4/2002	Tây Ninh	20C1-CCK4	A	TOEIC 350	6,24		Trung bình	
27	20004590	Phạm Thanh	Vương	Nam	16/8/2001	Quảng Ngãi	20C1-CCK4	A	TOEIC 350	6,21		Trung bình	
28	20005011	Trần Thanh	Triều	Nam	01/01/2002	Đồng Nai	20C1-CCK5	A	TOEIC 350	7,69		Khá	
29	20003425	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	26/12/2002	Bến Tre	20C1-CKL1	A	TOEIC 350	6,97		Trung bình	
30	20003964	Trương Văn	Bảo	Nam	08/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CMT1		TOEIC 350	5,85		Trung bình	
31	20004437	Nguyễn Văn	Linh	Nam	23/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CMT1		TOEIC 350	5,65		Trung bình	
32	20000210	Nguyễn Xuân	Lộc	Nam	03/12/1999	Đồng Nai	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,12		Trung bình	
33	20003991	Lê Quang	Minh	Nam	15/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,53		Trung bình	
34	20003291	Phạm Đức	Huy	Nam	02/9/2002	Bình Định	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,09		Khá	
35	20003679	Hồ Tấn	Sang	Nam	22/4/2001	Long An	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,57		Trung bình	
36	20001786	Nguyễn Minh	Son	Nam	19/11/2001	Long An	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,67		Trung bình	
37	20002794	Đoàn Hữu	Thắng	Nam	07/8/2002	Long An	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,93		Trung bình	
38	20002593	Nguyễn Hoàng	Thanh	Nam	23/7/2002	Long An	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,30		Trung bình	
39	20003080	Trần Anh	Tuấn	Nam	26/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,69		Trung bình	
40	20005184	Mai Quốc	Huy	Nam	28/6/2002	Gia Lai	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	6,32		Trung bình	
41	20005149	Võ Minh	Khiêm	Nam	14/12/2002	Long An	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	7,70		Khá	
42	20005119	Đặng Siêu	Sao	Nam	17/7/2002	Bình Thuận	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	6,80		Trung bình	
43	20005254	Tạ Quốc	Thịnh	Nam	18/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	6,61		Trung bình	
44	20000757	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	30/11/2002	Long An	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,62		Khá	
45	20001001	Phạm Ngọc Thúy	Nga	Nữ	04/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,63		Khá	
46	20004882	.	Re	Nữ	01/01/2002	Gia Lai	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,01		Khá	
47	20007598	Phạm Minh	Tuấn	Nam	21/01/1995	Vĩnh Long	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,61		Khá	
48	20002649	Võ Thị Thanh	Tuyền	Nữ	15/3/2002	Long An	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	8,02		Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
49	20000796	Nguyễn Văn	Tam	Nam	28/01/2002	Cần Thơ	20C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,36		Khá	
50	20000309	Nguyễn Văn	Thanh	Nam	27/5/2001	Bình Thuận	20C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,64		Khá	
51	20000076	Nguyễn Hoàng Anh	Tính	Nam	23/5/2000	Tiền Giang	20C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,60		Khá	
52	20003738	Hồ Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	17/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,46		Trung bình	
53	20003849	Dương Minh	Ngọc	Nam	08/3/2000	Đắk Lắk	20C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,51		Trung bình	
54	20003759	Mai Tiến	Trực	Nam	01/10/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,41		Trung bình	
55	20003961	Trần Đoàn Đình	Khoa	Nam	12/6/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ11	A	TOEIC 350	6,56		Trung bình	
56	20003968	Nguyễn Thành	Khôi	Nam	06/02/2002	Long An	20C1-CNÔ11	A	TOEIC 350	6,71		Trung bình	
57	20002982	Nguyễn Thành	Tuấn	Nam	17/9/2001	Kiên Giang	20C1-CNÔ11	A	TOEIC 350	6,69		Trung bình	
58	20004109	Lê Thanh	Bình	Nam	20/12/2002	Trà Vinh	20C1-CNÔ12	A	TOEIC 350	7,54		Khá	
59	20004158	Trần Văn	Hiếu	Nam	17/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ12	A	TOEIC 350	6,80		Trung bình	
60	20004174	Phan Tuấn	Lệ	Nam	08/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ12	A	TOEIC 350	6,28		Trung bình	
61	20004191	Vũ Đỗ Trường	Vũ	Nam	24/12/2002	Cần Thơ	20C1-CNÔ12	A	TOEIC 350	6,52		Trung bình	
62	20004317	Phan Minh	Tân	Nam	07/12/2001	Tiền Giang	20C1-CNÔ13	A	TOEIC 350	6,12		Trung bình	
63	20002855	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	10/8/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ14	A	TOEIC 350	7,12		Khá	
64	20002294	Bùi Minh	Bảo	Nam	17/3/2002	Long An	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,60		Khá	
65	20002455	Doãn Tiến	Hợp	Nam	19/9/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,16		Khá	
66	20002481	Hoàng Thắng	Lợi	Nam	07/02/2002	Bắc Cạn	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,06		Khá	
67	20002303	Nguyễn Kiến	Ninh	Nam	19/11/2001	Tiền Giang	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,39		Khá	
68	20002342	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	04/9/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	6,89		Trung bình	
69	20002364	Trần Hưng	Phục	Nam	25/6/2002	Long An	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,35		Khá	
70	20002689	Phan Tuấn	Anh	Nam	16/8/1998	Đồng Nai	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	7,43		Khá	
71	20002645	Võ Xuân	Nam	Nam	28/3/2001	Bình Định	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	6,82		Trung bình	
72	20002683	Nguyễn Minh	Sang	Nam	03/7/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	6,85		Trung bình	
73	20002718	Nguyễn Đan	Trường	Nam	23/6/2002	Long An	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	6,75		Trung bình	
74	20002844	Phan Thanh	Hiếu	Nam	26/7/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	6,88		Trung bình	
75	20002869	Nguyễn Hoàng	Khôi	Nam	07/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	6,08		Trung bình	
76	20002822	Nông Văn	Minh	Nam	18/5/2002	Đắk Lắk	20C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	7,13		Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
77	20002796	Thị Thiện	Trí	Nam	04/8/2002	Vĩnh Long	20C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	7,05		Khá	
78	20002834	Nguyễn Long	Trường	Nam	09/5/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	6,28		Trung bình	
79	20003085	Dương Hữu	Ngọc	Nam	28/9/2000	Bình Thuận	20C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	6,66		Trung bình	
80	20003192	Lê Đức	Trường	Nam	13/11/2002	Kon Tum	20C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	6,80		Trung bình	
81	20003272	Phạm Hoàng	An	Nam	10/4/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,36		Trung bình	
82	20003271	Tổng Hữu	Điền	Nam	07/4/2002	Đồng Tháp	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	7,28		Khá	
83	20003416	Nguyễn An	Khang	Nam	18/8/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,64		Trung bình	
84	20003361	Huỳnh Duy	Phát	Nam	31/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,49		Trung bình	
85	20003365	Trần Duy	Phúc	Nam	15/8/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,90		Trung bình	
86	20003334	Võ Hoàng	Phúc	Nam	21/11/2001	Kiên Giang	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,89		Trung bình	
87	20003347	Lưu Quốc	Thái	Nam	09/10/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,25		Trung bình	
88	20003456	Hà Quốc	Bảo	Nam	21/01/2002	Vĩnh Long	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,36		Trung bình	
89	18000049	Huỳnh Thanh	Danh	Nam	23/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,51		Trung bình	
90	20003428	Nguyễn Điều Tài	Đức	Nam	12/12/2002	Bình Phước	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,37		Trung bình	
91	20003444	Nguyễn Minh	Hậu	Nam	12/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,48		Trung bình	
92	20003506	Trịnh Minh	Trí	Nam	02/9/2002	Trà Vinh	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,78		Trung bình	
93	20003604	Cao Anh	Duy	Nam	20/11/2002	Bình Định	20C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	7,54		Khá	
94	20003874	Trịnh Tấn	Phát	Nam	10/3/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	6,65		Trung bình	
95	20000079	Nguyễn Hồng	Khải	Nam	21/10/2001	Quảng Ngãi	20C1-CTM1	A	TOEIC 350	8,37		Giỏi	
96	20005247	Đặng Thanh	Đậm	Nam	20/6/2002	Bình Định	20C1-CTM2	A	TOEIC 350	6,63		Trung bình	
97	20005231	Trần Văn	Duy	Nam	14/7/2002	Khánh Hoà	20C1-CTM2	A	TOEIC 350	6,90		Trung bình	
98	20005176	Võ Trọng	Nghĩa	Nam	12/01/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CTM2	A	TOEIC 350	6,68		Trung bình	
99	20005281	Trần Anh	Tuấn	Nam	24/8/2002	Đồng Nai	20C1-CTM2	A	TOEIC 350	6,86		Trung bình	
100	20005275	Ngô Tiến	Hùng	Nam	23/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	6,69		Trung bình	
101	20002923	Hoàng Hải	Dương	Nam	20/12/2002	Bình Phước	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,45		Trung bình	
102	20002905	Nguyễn Tấn	Hoàn	Nam	03/01/2000	Long An	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,81		Trung bình	
103	20004285	Lương Tấn	Khiêm	Nam	02/01/2002	Kiên Giang	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	7,14		Khá	
104	20002809	Đặng Phú	Quý	Nam	13/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,73		Trung bình	
105	20004007	Huỳnh Minh	Tiến	Nam	10/10/2002	Tiền Giang	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,55		Trung bình	
106	20005880	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	06/8/1999	Cà Mau	20C1-ĐĐT2	A	TOEIC 350	6,70		Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
107	20005571	Nguyễn Quang	Dũng	Nam	27/10/1999	Đắk Lắk	20C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	8,49		Giỏi	
108	20005324	Nguyễn Châu	Thái	Nam	09/6/2002	Trà Vinh	20C1-KML2	A	TOEIC 350	6,11		Trung bình	
109	20004272	Lê Lương Quốc	Đạt	Nam	16/7/2002	Long An	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	7,39		Khá	
110	20002847	Võ Nguyễn Minh	Thư	Nữ	11/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	6,68		Trung bình	
111	20004894	Hồ Hoàng	Nam	Nam	18/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM1		TOEIC 350	7,40		Khá	
112	20004466	Trần Quốc	Tuyển	Nam	20/4/2002	Cần Thơ	20C1-LTM1		TOEIC 350	6,68		Trung bình	
113	20001783	Huỳnh Đình	Huy	Nam	29/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM2		TOEIC 350	6,18		Trung bình	
114	20005000	Hoàng Phương	Nam	Nam	12/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM2		TOEIC 350	5,96		Trung bình	
115	20005531	Bùi Nguyên	Thịnh	Nam	19/6/2002	Đồng Tháp	20C1-LTM2		TOEIC 350	7,51		Khá	
116	20006682	Nguyễn Mạnh	Duy	Nam	04/5/2001	Thái Nguyên	20C1-QTD1	A	TOEIC 350	6,97		Trung bình	
117	20003979	Đinh Minh	Hiếu	Nam	25/11/2002	Tiền Giang	20C1-QTM1		TOEIC 350	6,66		Trung bình	
118	20005536	Hứa Lã Quang	Long	Nam	16/02/2002	Lâm Đồng	20C1-QTM1		TOEIC 350	7,10		Khá	
119	20005715	Nguyễn Kim	Son	Nam	10/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QTM1		TOEIC 350	6,84		Trung bình	
120	20003122	Mai Văn	Thắng	Nam	22/8/2000	Tây Ninh	20C1-QTM1		TOEIC 350	6,93		Trung bình	
121	20004991	Hồ Hoàng	Huy	Nam	14/5/2002	An Giang	20C1-TĐH1	A	TOEIC 350	7,82		Khá	
122	20003333	Thái Văn	Được	Nam	01/02/2002	Đồng Nai	20C1-TKĐ1		TOEIC 350	7,15		Khá	
123	20004274	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	28/4/2002	Ninh Thuận	20C1-TKĐ2		TOEIC 350	7,15		Khá	
124	20005102	Đặng Thị Thu	Hằng	Nữ	29/3/2002	Quảng Ngãi	20C1-TKĐ2		TOEIC 350	7,59		Khá	
125	20004818	Lư Đình Sinh	Nhiệm	Nam	06/4/2002	Bình Thuận	20C1-TKĐ2		TOEIC 350	8,00		Giỏi	
126	20007956	Huỳnh Kim	Phúc	Nam	03/11/2001	Lâm Đồng	20C1-TKĐ2		TOEIC 350	7,73		Khá	
127	20005386	Nguyễn Thị Kim	Phương	Nữ	16/02/2002	Vĩnh Phúc	20C1-TKĐ2		TOEIC 350	8,17		Giỏi	
128	20002388	Nguyễn Minh	Hòa	Nam	31/5/2001	Tây Ninh	20C1-TKW1		TOEIC 350	6,21		Trung bình	
129	20004721	Trương Khắc	Huy	Nam	27/4/2001	Hà Nam	20C1-TKW1		TOEIC 350	6,14		Trung bình	
130	20005440	Đặng Văn	Hiếu	Nam	04/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-VSL2	A	TOEIC 350	5,96		Trung bình	
131	20006125	Nguyễn Cao	Cường	Nam	10/11/2002	Vĩnh Long	20C2-CCK1	A	B	6,21		Trung bình	
132	20006148	Bùi Chí	Hiếu	Nam	29/8/2001	Bến Tre	20C2-CCK1	IC3	B	5,73		Trung bình	
133	20006151	Đào Huỳnh Minh	Nhật	Nam	23/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CCK1	A	B	5,99		Trung bình	
134	20006164	Vũ Thanh	Sang	Nam	04/9/2000	Đồng Nai	20C2-CCK1	IC3	B	5,56		Trung bình	
135	20006168	Vũ Thanh	Tiến	Nam	14/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CCK1	A	TOEIC 350	5,75		Trung bình	
136	20006156	Lê Vũ	Trường	Nam	17/4/2000	Tiền Giang	20C2-CCK1	IC3	B	5,81		Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
137	20005689	Trương Hoàng	Phụng	Nam	10/9/1996	An Giang	20C2-CKL1			6,41		Trung bình	
138	20006251	Đặng Ngọc Vân	Anh	Nữ	14/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNM1	A		6,39		Trung bình	
139	20006253	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	07/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNM1			6,79		Trung bình	
140	20006233	Nguyễn Thụy Phương	Uyên	Nữ	06/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNM1	A	B	6,54		Trung bình	
141	20004471	Võ Văn Hoàng	Luân	Nam	04/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ1			6,18		Trung bình	
142	20006554	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	31/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ2	A	TOEIC 350	6,09		Trung bình	
143	20006585	Võ Quốc	Gia	Nam	05/5/1997	Bạc Liêu	20C2-CNÔ2	A	TOEIC 350	6,22		Trung bình	
144	20006558	Lê Kim Tuấn	Hưng	Nam	13/9/2002	Lâm Đồng	20C2-CNÔ2	A	TOEIC 350	6,38		Trung bình	
145	20006561	Trần Ngọc	Mẫn	Nam	02/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ2			6,19		Trung bình	
146	20006545	Trương Bá	Siêu	Nam	28/6/2000	Phú Yên	20C2-CNÔ2			7,06		Khá	
147	20006570	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	30/5/2002	Vĩnh Phúc	20C2-CNÔ2	A		7,07		Khá	
148	20006565	Phạm Nguyễn Đăng	Trường	Nam	18/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ2	A		6,15		Trung bình	
149	20006548	Phan Quang	Vinh	Nam	02/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ2	A	TOEIC 350	5,92		Trung bình	
150	20006621	Nguyễn Tấn	Anh	Nam	10/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ3	IC3	TOEIC 350	6,51		Trung bình	
151	20006634	Phạm Hồng	Đại	Nam	07/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ3	A		6,96		Trung bình	
152	20006631	Kha Nguyễn Thành	Đạt	Nam	11/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ3	IC3	TOEIC 350	7,02		Khá	
153	20006628	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	18/10/2002	Hậu Giang	20C2-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,01		Khá	
154	20006649	Lê Xuân	Huy	Nam	24/11/2002	Bình Định	20C2-CNÔ3	A	TOEIC 350	6,31		Trung bình	
155	20006625	Đỗ Phạm Anh	Khoa	Nam	05/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ3	A		6,61		Trung bình	
156	20006655	Huỳnh Trọng	Khoa	Nam	23/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ3		TOEIC 350	6,54		Trung bình	
157	20006635	Đỗ Nguyên	Phúc	Nam	12/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ3	IC3		6,33		Trung bình	
158	20006599	Hồ Khánh	Tú	Nam	23/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ3	A	TOEIC 350	6,50		Trung bình	
159	20006616	Nguyễn Phúc	Vinh	Nam	14/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ3	A		7,17		Khá	
160	20005857	Lê Văn	Đức	Nam	10/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-ĐCN1		B	5,50		Trung bình	
161	20006528	Hoàng Tiến	Dũng	Nam	20/10/2002	Thanh Hoá	20C2-ĐCN1	A	B	5,84		Trung bình	
162	20006521	Nguyễn Lê Gia	Huy	Nam	15/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-ĐCN1	A		5,80		Trung bình	
163	20006517	Bùi Quốc	Khánh	Nam	10/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-ĐCN1			5,95		Trung bình	
164	20006500	Trần Khải	Nam	Nam	26/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-ĐCN1	A	TOEIC 350	5,98		Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
165	20006518	Phạm Minh	Quân	Nam	23/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-ĐCN1	A	TOEIC 350	6,25		Trung bình	
166	20006529	Nguyễn Thanh	Son	Nam	09/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-ĐCN1	IC3	TOEIC 350	5,99		Trung bình	
167	20006505	Bùi Thành	Tâm	Nam	09/6/2002	Nghệ An	20C2-ĐCN1	A	B	5,97		Trung bình	
168	20006515	Lâm Trần Quốc	Thắng	Nam	06/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-ĐCN1	A	TOEIC 350	6,35		Trung bình	
169	20006516	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	21/9/1999	Gia Lai	20C2-ĐCN1	A	TOEIC 350	6,30		Trung bình	
170	20006536	Võ Tấn	Vũ	Nam	25/8/2002	Tây Ninh	20C2-ĐCN1	A	B	5,57		Trung bình	
171	20006074	Trần Ngọc	Hân	Nữ	24/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-KTD1	A		6,28		Trung bình	
172	20006045	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	08/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-KTD1	A		6,70		Trung bình	
173	20006077	Lê Hữu Thảo	Thanh	Nữ	16/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-KTD1	A		6,96		Trung bình	
174	20006053	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	05/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-KTD1	A		5,97		Trung bình	
175	20006043	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	28/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-KTD1			6,65		Trung bình	
176	20006473	Đỗ Hoàng	Anh	Nam	04/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-LĐL1			6,51		Trung bình	
177	20006479	Lương Minh	Duy	Nam	23/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-LĐL1	IC3		5,75		Trung bình	
178	20006476	Bùi Đức Anh	Tuấn	Nam	24/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-LĐL1	A	TOEIC 350	6,13		Trung bình	
179	20006344	Trần Quốc	Thịnh	Nam	13/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-LTM1		TOEIC 350	6,93		Trung bình	
180	20006414	Nguyễn Quốc	Đại	Nam	31/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-NNA1	A	Tiếng Trung	6,96		Trung bình	
181	20006396	Nguyễn Trần Thị Anh	Thư	Nữ	06/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-NNA1	A	Tiếng Trung	6,61		Trung bình	
182	20006090	Huỳnh Quốc	Cường	Nam	06/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTD1			6,29		Trung bình	
183	20006087	Trương Phú Minh	Hiếu	Nam	10/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTD1	A		6,15		Trung bình	
184	20006105	Mai Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	01/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTD1			6,35		Trung bình	
185	20006099	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	18/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTD1	IC3		6,91		Trung bình	
186	20006093	Trương Kiều	Phong	Nam	29/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTD1	A	TOEIC 350	6,19		Trung bình	
187	20006080	Lê Minh	Tâm	Nam	20/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTD1	A		6,55		Trung bình	
188	20006082	Đặng Hoàng	Trung	Nam	16/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTD1			6,78		Trung bình	
189	20006035	Nguyễn Tuấn	An	Nam	01/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTM1		TOEIC 350	6,11		Trung bình	
190	20006016	Nguyễn Thành	Hung	Nam	18/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTM1			6,32		Trung bình	
191	20006027	Nguyễn Trương Phú	Thịnh	Nam	18/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTM1			6,43		Trung bình	
192	20006030	Lý Khải	Văn	Nam	28/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTM1		TOEIC 350	7,19		Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
193	20006279	Đào Trọng	Nhân	Nam	09/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-THU1		TOEIC 350	5,79		Trung bình	
194	20006377	Nguyễn Phước Quý	Đạt	Nam	22/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-TKW1		TOEIC 350	6,43		Trung bình	
195	20006367	Phùng Hoài	Lâm	Nam	02/11/2002	Lâm Đồng	20C2-TKW1			6,77		Trung bình	
196	20006375	Võ Thành	Long	Nam	17/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-TKW1		TOEIC 350	5,96		Trung bình	
197	20006371	Nguyễn Lê Minh	Phúc	Nam	21/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-TKW1			6,37		Trung bình	
198	20002478	Trần Đình	Danh	Nam	20/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CNÔ1	A	TOEIC 400	7,83		Khá	
199	20003486	Lê Văn	Sâm	Nam	03/12/2002	Bình Định	20C3-CNÔ1	A	TOEIC 400	7,53		Khá	
200	20001533	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	16/12/1997	Bình Thuận	20C3-CNÔ1	A	TOEIC 400	7,90		Khá	
201	20003956	Nguyễn Minh	Đức	Nam	22/10/2002	Đồng Nai	20C3-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	7,89		Khá	
202	20005727	La Quốc	Nam	Nam	07/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	8,12		Giỏi	
203	20002496	Đinh Minh	Kiệt	Nam	20/6/2002	Sóc Trăng	20C3-CNÔ3	IC3	TOEIC 400	7,98		Khá	
204	20002320	Lê Văn	Thành	Nam	17/11/2002	Bình Thuận	20C3-CNÔ3	IC3	TOEIC 400	8,29		Giỏi	
205	20003045	Châu Nguyễn	Duy	Nam	06/7/2002	Long An	20C3-ĐĐT1	IC3	TOEIC 400	6,29		Trung bình	
206	20003058	Phạm Thành	Công	Nam	16/9/2002	Lâm Đồng	20C6-CNÔ3	A	TOEIC 400	7,53		Khá	
207	20002901	Nguyễn Trung	Nguyên	Nam	09/8/2002	Khánh Hoà	20C6-CNÔ3	IC3	TOEIC 400	6,93		Trung bình	
208	20002634	Lê Đông	Nguyên	Nam	15/01/2002	Cà Mau	20C6-CNÔ4	A	TOEIC 400	7,16		Khá	
209	20004645	Phạm Nguyễn Nhựt	Thuận	Nam	29/6/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C6-CNÔ4	A	TOEIC 400	6,88		Trung bình	
210	21003909	Lê Tiến	Dũng	Nam	01/9/2001	Kon Tum	21C2-CNÔ1	A	TOEIC 350	6,71		Trung bình	
211	21004320	Đặng Hoàng	Phong	Nam	27/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C2-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,03		Khá	
212	22000020	Nguyễn Vĩnh	Nghi	Nam	15/10/1989	Đồng Nai	22C2-CCK1	A	TOEIC 350		3,15	Giỏi	
213	22000021	Văn Minh	Phong	Nam	30/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	IC3	TOEIC 350		2,58	Khá	
214	22000004	Võ Thành	Quốc	Nam	18/5/1995	Ninh Thuận	22C2-CCK1	A	TOEIC 350		2,48	Trung bình	
215	22000188	Đỗ Đặng Thái	Bảo	Nam	30/01/2003	Hà Nam	22C2-CMT1		TOEIC 350		2,81	Khá	
216	22000369	Nguyễn Thế Gia	Bảo	Nam	31/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CMT1		TOEIC 350		2,74	Khá	
217	22000768	Lê Quang	Hải	Nam	22/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CMT1		TOEIC 350		2,88	Khá	
218	22000358	Đỗ Gia	Huy	Nam	03/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CNÔ1	A	B		2,57	Khá	
219	22000194	Nguyễn Khoa	Nam	Nam	15/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CNÔ1	IC3	B		2,50	Khá	
220	22000710	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	Nam	07/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-KML1	A	B		2,18	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
221	22000378	Nguyễn Tiến	Phát	Nam	27/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-KML1	A	B		2,55	Khá	
222	22000396	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	23/5/2003	Nghệ An	22C2-KML1	A	B		2,93	Khá	
223	22000432	Nguyễn Vinh Trí	Thượng	Nam	16/10/1989	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-KML1	A	B		3,84	Xuất sắc	
224	22000116	Nguyễn Tấn	Hiền	Nam	05/3/2002	Bình Dương	22C2-QTD1	IC3	TOEIC 350		2,70	Khá	
225	22000223	Lê Thị Mỹ	Lệ	Nữ	23/9/2003	Quảng Ngãi	22C2-QTD1	IC3	TOEIC 350		2,74	Khá	
226	22000263	Nguyễn Văn	Lễ	Nam	04/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		TOEIC 350		2,47	Trung bình	
227	22000091	Nguyễn Hoàng	Thông	Nam	14/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		TOEIC 350		2,22	Trung bình	
228	22000168	Bùi Anh	Tú	Nam	17/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		TOEIC 350		2,05	Trung bình	
229	22000375	Hồ Quốc	Đạt	Nam	12/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		TOEIC 350		2,83	Khá	
230	22000291	Hoàng Hữu Quốc	Huy	Nam	04/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		TOEIC 350		2,49	Trung bình	
231	22000398	Trần Đức	Huy	Nam	23/3/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		TOEIC 350		2,58	Khá	
232	22000363	Đặng Sỹ	Lân	Nam	02/3/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		TOEIC 350		2,64	Khá	
233	22000123	Trương Gia	Minh	Nam	23/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		TOEIC 350		2,90	Khá	
234	22000174	Trần Đặng Hà	Nhi	Nữ	28/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		TOEIC 350		2,61	Khá	
235	22000322	Nguyễn Hùng	Phát	Nam	01/6/2003	An Giang	22C2-TKĐ1		TOEIC 350		2,59	Khá	
236	22000229	Nguyễn Ngọc	Tài	Nam	28/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		TOEIC 350		2,93	Khá	
237	22000157	La Đạo	Trung	Nam	15/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		TOEIC 350		2,54	Khá	
238	22000352	Nguyễn Thành	Trung	Nam	23/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		TOEIC 350		2,49	Trung bình	

Tổng cộng có 238 sinh viên, trong đó:

Xuất sắc: 1 0,42 %
 Giỏi: 8 3,36 %
 Khá: 66 27,73 %
 Trung bình 163 68,49 %